

Số: ~~147~~ 2014/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi có tính chất đặc thù trong công tác phổ biến,
giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 12 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Phổ biến giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Sau khi xem xét Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi đặc thù thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra số 108/BC-BPC ngày 28 tháng 9 năm 2014 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi có tính chất đặc thù trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Giang (*Mức chi thực hiện theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết này*).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2014 và thay thế Nghị quyết số 43/2010/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi đặc thù thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Các nội dung khác liên quan đến mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở không quy định tại

Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVI - Kỳ họp thứ 12 (chuyên đề) thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác ĐB – UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND khóa XVI;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XIII;
- Các sở, ban, ngành, UBMTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VP Tỉnh ủy; UBND; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT. *H*

CHỦ TỊCH



Vương Mí Vàng

**PHỤ LỤC QUY ĐỊNH MỘT SỐ MỨC CHI ĐẶC THÙ TRONG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÀ CHUẨN TIẾP CẬN
PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI DÂN TẠI CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

(Kèm theo Nghị quyết số ~~147~~/2014/NQ-HĐND ngày 30/9/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
a	Xây dựng đề cương					Tùy theo quy mô, tính chất và nhiệm vụ của Chương trình, Đề án, Kế hoạch
	- Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	900	600		
	- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	1.200	800		
b	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch	2.000	1.200	500	
	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	200	100		
c	Tổ chức họp, Tọa đàm góp ý					
	Chủ trì	Người/buổi	150	100		
	Thành viên dự	Người/buổi	100	50		
d	Ý kiến tư vấn của Chuyên gia	Văn bản	500	400		
đ	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch					



Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	200	150		
	Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	150	100		
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	50		
	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300			
	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	150			
e	Lấy ý kiến thẩm định	Bài viết	400	300		Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt và có ý kiến tham gia chi tiết
g	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	250	150		
2	Chi thù lao cho báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác PBGDPL; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật					
a	Báo cáo viên cấp Trung ương,		400	400	400	
b	Báo cáo viên cấp tỉnh	Người/buổi	300	300	300	
c	Thù lao báo cáo viên cấp huyện, tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện PBGDPL, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến, pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt			200	120	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
d	Thù lao cho người được mời tham gia công tác PBGDPL; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật	Người/buổi	Áp dụng mức chi quy định tại điểm a, b, c của mục này			
đ	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia PBGDPL, cán bộ thực hiện công tác PBGDPL cho các đối tượng đặc thù	Người/buổi	Được hưởng thêm 20% so với mức quy định tại điểm a, b, c, d mục này.			
3	Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù					
a	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	900	600		
b	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	200	200		01 tình huống
c	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	1.300	900		
d	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	3.500	2.500		
4	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt					
a	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày			30	Không quá 01 ngày
b	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt				7	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
5	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường					Chi áp dụng đối với hoạt động PBGDPL lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt tại vùng đặc biệt khó khăn cần có người địa phương dẫn đường và phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác PBGDPL
a	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Ngày	250% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực hành chính.			
b	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch)	Ngày	150% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính			
6	Chi tổ chức các cuộc thi, hội thi					
a	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức	Áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành				

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
b	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên Internet có thêm mức chi đặc thù sau:					
	Thuê dẫn chương trình	Người/ngày	1.000	700	400	Tùy theo quy mô, địa bàn tổ chức để quyết định thuê hoặc không thuê; trường hợp thuê quyết định mức chi cụ thể
	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu hóa	Ngày	6.000	4.000	2.000	Trong trường hợp địa phương không có phải thuê (tùy theo quy mô, tính chất cuộc thi để quyết định mức chi cụ thể)
	Thuê Văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	150	80	50	Chỉ áp dụng đối với cấp tỉnh trong trường hợp phải thuê; đối với cấp huyện, xã chỉ bồi dưỡng diễn viên của Đội tuyên truyền lưu động và văn nghệ quần chúng, mức bồi dưỡng theo Nghị quyết số 107/2013/NQ-HĐND ngày 23/9/2013 của HĐND tỉnh Hà Giang
	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa (đối với cuộc thi qua mạng điện tử)		80% của mức chi tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính			
c	Chi giải thưởng	Giải thưởng				Tùy theo quy mô, địa bàn tổ chức để quyết định mức chi cụ thể
	- Giải nhất					

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
	+ Tập thể		6.000	4.000	2.000	
	+ Cá nhân		3.000	2.400	1.200	
	- Giải nhì	Giải thưởng				
	+ Tập thể		4.000	3.000	1.500	
	+ Cá nhân		2.000	1.600	800	
	- Giải ba	Giải thưởng				
	+ Tập thể		3.000	2.000	1.000	
	+ Cá nhân		1.500	1.000	500	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng				
	+ Tập thể		2.000	1.000	500	
	+ Cá nhân		800	400	200	
	- Giải phụ khác		300	200	100	
7	Hỗ trợ hoạt động truyền thông, PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật trên Đài phát thanh xã, phường, loa truyền thanh cơ sở					

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
a	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang		50		Huyện biên tập chuyển cho cấp xã truyền thông, tính theo trang chuẩn 350 từ
b	Bồi dưỡng phát thanh					
	Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần			10	
	Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần			15	
8	Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách pháp luật					Theo QĐ số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng CP
a	Hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật hàng năm	Tủ/năm			2.000	
b	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần			80	
c	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người			30	
9	Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác PBGDPL, Chương trình, Đề án, Kế hoạch, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật					
	Viết báo cáo					
a	- Báo cáo định kỳ hàng năm	Báo cáo	2.000	1.500	500	
b	- Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	2.000	1.500	500	
c	- Báo cáo đột xuất	Báo cáo	800	500	300	